

Quận 12, ngày 07 tháng 01 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4 NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
 dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường TH Võ Thị Sáu công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 4 năm 2023 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4 năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 4 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	7.074.736.000	4.795.047.000	68%	124%
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu sự nghiệp khác	7.074.736.000	4.795.047.000	68%	124%
3.1	Học phí 2 buổi	318.600.000	106.200.000	33%	40%
3.2	Tin học quốc tế	1.317.600.000	678.470.000	51%	110%
3.3	Tiếng anh quốc tế	878.400.000	458.965.000	52%	103%
3.4	10% AVLK Toán - KH	439.200.000	219.505.000	50%	76%
3.5	20% Anh văn bản ngữ	316.224.000	159.640.000	50%	100%
3.6	7% STEM	90.768.000	25.143.300	28%	108%
3.7	Năng khiếu	878.400.000	767.400.000	87%	144%
3.8	30% Kỹ năng sống	184.464.000	82.613.700	45%	88%
3.9	Cơ sở vật chất tiên tiến	439.200.000	399.100.000	91%	127%
3.10	Tổ chức bán trú	2.108.160.000	1.157.390.000	55%	104%
3.11	10% Học bơi	72.000.000	78.680.000	109%	338%
3.12	Căn tin	18.000.000		0%	0%
3.13	Hỗ trợ thu 1,8% BHYT	13.720.000		0%	0%
3.14	Tiền thiết bị vật dụng bán trú		169.490.000	0%	0%
3.15	Tổ chức CLB Toán - Tiếng việt		492.450.000	0%	0%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.935.315.680	4.706.090.460		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.935.315.680	4.706.090.460		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	139.420.320	88.956.540	1	0
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu sự nghiệp khác	139.420.320	88.956.540	64%	0
3.1	Học phí 2 buổi	6.372.000	2.124.000	33%	
3.2	Tin học quốc tế	26.352.000	13.569.400	51%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4 năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 4 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3.3	Tiếng anh quốc tế	17.568.000	9.179.300	52%	
3.4	10% AVLK Toán - KH	8.784.000	4.390.100	50%	
3.5	20% Anh văn bản ngữ	6.324.480	3.192.800	50%	
3.6	7% STEM	1.815.360	502.866	28%	
3.7	Năng khiếu	17.568.000	15.348.000	87%	
3.8	30% Kỹ năng sống	3.689.280	1.652.274	45%	
3.9	Cơ sở vật chất tiên tiến	8.784.000	7.982.000	91%	
3.10	Tổ chức bán trú	42.163.200	23.147.800	55%	
3.11	10% Học bơi	7.200.000	7.868.000	109%	
3.12	Cần tin	1.800.000	0	0%	
3.13	Hỗ trợ thu 1,8% BHYT	274.400	0	0%	
3.14	Tiền thiết bị vật dụng bán trú		3.389.800		
3.15	Tổ chức CLB Toán - Tiếng việt		9.849.000		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.218.000.000	1.242.210.557	0	
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7.218.000.000	1.242.210.557		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.082.000.000	1.242.210.557	30,43	151,37
6000	Tiền lương	1.869.143.000	786.911.779	42%	80%
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	292.593.600	0	0%	0%
6100	Phụ cấp lương	998.367.945	307.691.317	31%	69%
6300	Các khoản đóng góp	527.408.631	134.317.461	25%	59%
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	0	0	0%	0%
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	56.000.000		0%	0%
6550	Vật tư văn phòng	132.000.000		0%	0%
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	4.000.000	8.490.000	212%	0%
6650	Hội nghị	22.000.000		0%	0%
6700	Công tác phí	15.600.000	4.800.000	31%	62%
6750	Chi phí thuê mướn	45.000.000	0	0%	0%
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	30.000.000	0	0%	0%
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	8.000.000	0	0%	0%
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	81.886.824		0%	0%
7750	Chi khác	0		0%	0%
7950	Chi lập các quỹ đơn vị sự nghiệp có thu	0	164.157.341	0%	0%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.136.000.000	0	-	
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	3.136.000.000	601.642.108	19%	62%

KẾ TOÁN

Lê Hoàng Trung

Quận 12, ngày 07 tháng 01 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Dũng